SAO Y; Ủy ban nhân dân; Thời gian ký: 23/01/2024 11:07:00 +07:00

Ký bởi Trung tâm Thông tin
Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh Sơn La
Giờ ký: 2024-04-03T10:04:43.3426817+07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 128 QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 22 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đầu tư hạ tầng khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu *(đợt 1)*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

STT	Danh mục	Đơn vị tính (đồng)
1	Bồi thường về đất	0
2	Bồi thường nhà, công trình	0
3	Bồi thường cây trồng, vật nuôi	43.385.000
4	Bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt	0
5	Bồi thường di chuyển mồ mả	0
6	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	0
7	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề	0
8	Hỗ trợ tái định cư	0
9	Hỗ trợ người đang thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước	0
10	Hỗ trợ đất công ích của xã, phường, thị trấn	0
11	Hỗ trợ khác	0
	Tổng cộng	**43.385.000**

(Có biểu tổng hợp chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án kèm theo)

b) Tiền sử dụng đất ở và nghĩa vụ tài chính *(nếu có)* trừ vào tiền bồi thường, hỗ trợ: 0 đồng.

c) Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ phải chi trả: 43.385.000 đồng *(bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng).*

d) Chi phí lập và tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng: Thực hiện theo Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính.

e) Nguồn vốn chi trả: Vốn của dự án.

6. Việc bố trí tái định cư: Không

7. Việc giao đất tái định cư: Không

8. Việc di dời các công trình của Nhà nước, của tổ chức, của cơ sở tôn giáo, của cộng đồng dân cư: Không

9. Việc di dời mồ mả: Không

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Mộc Châu

1.1. Chỉ đạo Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu các phòng ban, đơn vị liên quan thực hiện công khai, niêm yết phương án giá trị bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt; tổ chức chi trả các khoản bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 844/TTr-STNMT ngày 15/12/2023; UBND huyện Mộc Châu tại Tờ trình số 4836/TTr-UBND ngày 27/11/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đầu tư hạ tầng khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu *(đợt 1)* với nội dung như sau:

1. Đối tượng có đất thu hồi đất: Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.

2. Vị trí, địa điểm khu đất thu hồi

2.1. Địa chỉ: Tiểu khu 70, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu.

2.2. Vị trí, ranh giới các thửa đất thu hồi được xác định theo mảnh trích đo địa chính số 04-2023 thị trấn Nông trường Mộc Châu tỷ lệ 1/1000 do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường đo vẽ tháng 4/2023, được UBND thị trấn Nông trường Mộc Châu xác nhận đo vẽ phù hợp với hiện trạng ngày 10/5/2023, được Xí nghiệp đo đạc bản đồ nông nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra tháng 5/2023 và được Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt ngày 18/5/2023.

2.3. Nguồn gốc đất: Thuộc diện tích UBND tỉnh cho Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu thuê đất tại Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 và Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 31/8/2023.

3. Diện tích đất thu hồi: 12.673,3 m^2

STT	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Loại đất
1	04-2022	5	6.857,4	NHK
2	04-2022	8	5.575,6	NHK
3	04-2022	12	47,2	NHK
4	04-2022	13	193,1	NHK
Tổng			**12.673,3**	

4. Loại đất thu hồi: Đất trồng cây hàng năm khác.

5. Kinh phí của Phương án

a) Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: **43.385.000 đồng** *(Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn)*. Trong đó:

1.2. Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, số liệu, đối tượng được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước. Đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, quyết định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về quy trình thẩm định, trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước. Đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Mộc Châu, Chủ tịch UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu; Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị; tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy *(b/c);*
- TT HĐND tỉnh *(b/c);*
- Chủ tịch UBND tỉnh *(b/c);*
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Các phòng: KT, TH - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Thiện 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

BIỂU SỐ 01

Chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đầu tư hạ tầng khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu

(Kèm theo Quyết định số 125 /QĐ-UBND ngày 22 / 01 /2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Nguồn gốc/Năm XD	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Bồi thường về đất	Bồi thường, hỗ trợ tài sản	Bồi thường cây cối hoa màu	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Hỗ trợ khác	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
A	**Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân**							**43.385.000**				**43.385.000**	
1	**Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu**												
1.1	**Về đất đai**												
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm *(Thửa đất số 5 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc phần đất Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu đang thuê, thời hạn sử dụng đất đến 10/12/2025)*	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	m2	6857,4									Thửa đất hộ gia đình ông Đặng Văn Rồng đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm *(Thửa đất số 8 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc phần đất Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu đang thuê, thời hạn sử dụng đất đến 10/12/2025)*	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	m2	5575,6									Thửa đất hộ gia đình ông Trần Văn Khương đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm *(Thửa đất số 13 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc phần đất Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu đang thuê, thời hạn sử dụng đất đến 10/12/2025)*	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	m2	193,1									Thửa đất hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đào đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp
1.1.4	Đất trồng cây hàng năm *(Thửa đất số 12 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc phần đất Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu đang thuê, thời hạn sử dụng đất đến 10/12/2025)*	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	m2	47,2									Thửa đất hộ gia đình ông Bùi Hữu Cơ bà Phạm Thị Tư đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp
2	**Hoàng Thị Hoan - Đặng Văn Rồng**							**26.993.000**				**26.993.000**	
2.1.	**Về đất đai**												
2.1.1	Đất trồng cây hàng năm *(Thửa đất số 14 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc diện tích UBND tỉnh đã thu hồi đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa giao cho UBND huyện Mộc Châu quản lý theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015)*	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	m2	327,7									Thửa đất hộ gia đình ông Đặng Văn Rồng đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp
2.1.2	Đất trồng cây hàng năm *(Thửa đất số 20 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc diện tích UBND tỉnh đã thu hồi đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa giao cho UBND huyện Mộc Châu quản lý theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015)*	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	m2	278,0									Thửa đất hộ gia đình ông Trần Văn Khương đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp
2.2	**Về nhà, công trình (Thửa đất số 5 mảnh trích đo địa chính số 04-2023)**												
2.2.1	Tường rào xây gạch block 220 mm không trát	2017	m2	56,3									

STT	Nội dung	Nguồn gốc/Năm XD	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Bồi thường về đất	Bồi thường, hỗ trợ tài sản	Bồi thường cây cối hoa màu	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Hỗ trợ khác	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
2.2.2	Tường rào xây gạch block 15cm không trát	2017	m3	2,7									
2.2.3	Sân phơi bê tông	2017	m2	100,8									
2.2.4	Mái che xà gồ thép hình, lợp tôn múi (gác lên tường)	2017	m2	109,2									
2.2.5	**Về cây trồng, vật nuôi**												
2.2.6	Đồng cỏ chăn nuôi bò *(thửa số 5 tờ bản đồ số 04-2023)*		m2	6748,2	4.000			26.993.000				26.993.000	Thửa đất hộ gia đình ông Đặng Văn Rồng đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp
2.2.7	Đồng cỏ chăn nuôi bò *(thửa số 14 tờ bản đồ số 04-2023)*		m2	327,7									Thửa đất hộ gia đình ông Đặng Văn Rồng đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp
2.2.8	Đồng cỏ chăn nuôi bò *(thửa số 20 tờ bản đồ số 04-2023)*		m2	278,0									Thửa đất hộ gia đình ông Đặng Văn Rồng đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp
3	**Trần Văn Khương**							**16.392.000**				**16.392.000**	
3.1	**Về đất đai**												
3.1.1	Đất trồng cây hàng năm *(Thửa đất số 15 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc diện tích UBND tỉnh đã thu hồi đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa giao cho UBND huyện Mộc Châu quản lý theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015)*	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	m2	592,7									
3.1.2	Đất trồng cây lâu năm *(Thửa đất số 17 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc diện tích UBND tỉnh đã thu hồi đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa giao cho UBND huyện Mộc Châu quản lý theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015)*	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	m2	109,0									
3.2	**Về nhà, công trình (Thửa đất số 8 mảnh trích đo địa chính số 04-2023)**												
3.2.1	Tường rào xây gạch block 220 mm không trát	2018	m2	75,6									
3.2.2	Sân phơi bê tông	2018	m2	111,6									
3.3	**Về cây trồng, vật nuôi**												
3.3.1	Ngô *(thửa số 8 tờ bản đồ số 04-2023)*		m2	5464,0	3.000			16.392.000				16.392.000	Thửa đất hộ gia đình ông Trần Văn Khương đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp
3.3.2	Cây đào cho quả từ 3 đến dưới 5 năm *(Thửa số 17 mảnh trích đo địa chính số 04-2023)*		Cây	5,0									

STT	Nội dung	Nguồn gốc/Năm XD	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Bồi thường về đất	Bồi thường, hỗ trợ tài sản	Bồi thường cây cối hoa màu	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Hỗ trợ khác	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
3.3.3	Cây thông (gỗ thường) có chu vi từ 0,4 m đến 0,5 m (đo cách mặt đất 1,3 m) *(Thửa số 17 mảnh trích đo địa chính số 04-2023)*		Cây	4,0									
3.3.4	Ngô *(thửa số 15 tờ bản đồ số 04-2023)*		m2	592,7									
4	**Nguyễn Văn Phương - Lê Thị Lý**												
4.1	**Về đất đai**												
	Đất trồng cây lâu năm *(Thửa đất số 4 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc diện tích UBND tỉnh đã thu hồi đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa giao cho UBND huyện Mộc Châu quản lý theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015)*	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	m2	332,7									
4.2	**Về nhà, công trình (thửa đất số 4 tờ bản đồ số 04-2023)**												
4.2.1	Sân phơi bê tông	2009	m2	67,1									
4.2.2	Chuồng lợn xây gạch, mái lợp fibro xi măng, nền láng xi măng	2009	m2	48,0									
4.2.3	Kè xây bằng đá	2009	m3	7,1									
4.2.4	Tường rào xây gạch block 110 mm, không trát	2009	m2	13,5									
4.3	**Về cây trồng, vật nuôi (thửa đất số 4 tờ bản đồ số 04-2023)**												
4.3.1	Cây bơ cho quả dưới 3 năm		Cây	2									
4.3.2	Cây xoan (gỗ thường) có chu vi lớn hơn 0,5 m đến 0,6 m (đo cách mặt đất 1,3 m)		Cây	7									
4.3.3	Cây xoan (gỗ thường) có chu vi lớn hơn 0,6 m (đo cách mặt đất 1,3 m)		Cây	8									
4.3.4	Cây xoan (gỗ thường) trồng từ 4 năm đến khép tán		Cây	4									
4.3.5	Cây nhãn cho quả từ 3 đến dưới 5 năm		Cây	16									
5	**Nguyễn Thị Đào**												
5.1	**Về đất đai**												
	Đất trồng cây hàng năm *(Thửa đất số 3 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc diện tích UBND tỉnh đã thu hồi đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa giao cho UBND huyện Mộc Châu quản lý theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015)*		m2	1081,1									
5.2	**Về nhà, công trình (thửa đất số 3,13 tờ bản đồ số 04-2023)**												
5.1.1	Kè xây bằng đá	2019	m2	40,7									
5.1.2	Kè xếp khan bằng đá	2019	m3	1,9									
5.1.3	Hàng rào lưới thép B40 cọc gỗ	2019	m	118,0									
6	**Bùi Hữu Cơ - Phạm Thị Tư**												
6.1	**Về đất đai**												

STT	Nội dung	Nguồn gốc/Năm XD	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Bồi thường về đất	Bồi thường, hỗ trợ tài sản	Bồi thường cây cối hoa màu	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Hỗ trợ khác	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
	Đất trồng cây hàng năm (Thửa đất số 2 mảnh trích đo địa chính số 04-2023, thuộc diện tích UBND tỉnh đã thu hồi đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa giao cho UBND huyện Mộc Châu quản lý theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015)		m2	137,8									
6.2	**Về nhà, công trình**												
6.3	**Về cây trồng, vật nuôi**												

BIỂU SỐ 02

Tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình: Đầu tư hạ tầng khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu (đợt 1)

(Kèm theo Quyết định số 128 /QĐ-UBND ngày 22/ 01/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Đối tượng bồi thường, hỗ trợ	Địa chỉ	Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Trong đó								Ghi chú
				BT về đất	BT chi phí đầu tư vào đất còn lại	BT nhà cửa, vật kiến trúc	BT cây trồng, vật nuôi	BT di chuyển	HT chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm	HT ổn định đời sống	Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng	
1	Công ty CP giống bò sữa Mộc Châu	Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông Trường Mộc Châu										
2	Hoàng Thị Hoan - Đặng Văn Rồng	Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông Trường Mộc Châu	26.993.000				26.993.000					
3	Trần Văn Khương	Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông Trường Mộc Châu	16.392.000				16.392.000					
4	Nguyễn Văn Phương - Lê Thị Lý	Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông Trường Mộc Châu										
5	Nguyễn Thị Đào	Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông Trường Mộc Châu										
6	Bùi Hữu Cơ - Phạm Thị Tư	Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông Trường Mộc Châu										
TỔNG CỘNG			**43.385.000**				**43.385.000**					